

**THÔNG BÁO**

**Về việc công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách huyện quý III năm 2021.**

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách Nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Ủy ban nhân dân huyện công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện quý III năm 2021 (kèm các biểu mẫu) để các ngành, địa phương và Nhân dân trong huyện nắm.

Giao Phòng Văn hóa - Thông tin huyện đăng tải các nội dung công khai lên Trang tin điện tử huyện theo quy định. *th*

**Nơi nhận:**

- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP; NCKT;
- Lưu: VT. *th*



**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Nhủ**

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ III NĂM 2021

Đvt: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 3 năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>617.239</b>	<b>748.207</b>	<b>121,22</b>	<b>91,36</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>60.000</b>	<b>44.680</b>	<b>74,47</b>	<b>92,85</b>
1	Thu nội địa (trừ 3 tỷ NSTW)	60.000	44.680	74,47	92,85
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>98.359</b>		<b>322,01</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>617.239</b>	<b>608.695</b>	<b>98,62</b>	<b>94,17</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>617.239</b>	<b>449.211</b>	<b>72,78</b>	<b>89,58</b>
1	Chi đầu tư phát triển	45.400	58.356	128,54	78,28
2	Chi thường xuyên	560.052	381.654	68,15	89,49
3	Dự phòng ngân sách	11.787	9.201	78,06	2.335,21
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>		<b>31.511</b>		<b>70,83</b>

Càng Long, ngày 18 tháng 10 năm 2021

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Nhủ

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu VT./.

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ III NĂM 2021

DVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 3 năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>617.239</b>	<b>748.207</b>	<b>121,22</b>	<b>91,36</b>
I	<b>Thu nội địa (chưa bao gồm 3 tỷ NSTW)</b>	<b>60.000</b>	<b>44.680</b>	<b>74,47</b>	<b>92,85</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	17.240	16.324		
4	Thuế thu nhập cá nhân	14.500	7.574	52,24	67,62
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	15.500	9.680	62,45	80,78
7	Thu phí, lệ phí	3.200	2.099	65,60	100,64
8	Các khoản thu về nhà, đất	6.560	5.133	78,25	98,39
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	510	442	86,71	91,6
-	Thu tiền sử dụng đất	6.000	4.629	77,14	98,56
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	50	62	124,30	163,55
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách (trừ 3 tỷ đồng do NSTW hưởng)	3.000	3.869	128,98	125,55

DVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 3 năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
11	Thu khác tại xã				
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác				
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>48.692</b>	<b>31.631</b>	<b>64,96</b>	<b>88,34</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	22.022	16.503	74,94	75,38
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100% (trừ 3 tỷ NSTW hưởng)	26.670	15.127	56,72	108,74

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu VT./.

Càng Long, ngày 19 tháng 10 năm 2021



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Nhũ



ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC  
QUÝ III NĂM 2021

DVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 3 năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>617,239</b>	<b>608,695</b>	<b>98,62</b>	<b>94,17</b>
A	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>617,239</b>	<b>479,840</b>	<b>77,74</b>	<b>95,69</b>
I	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>45,400</b>	<b>58,356</b>	<b>128,54</b>	<b>78,28</b>
1	Chi đầu cho các dự án				
2	Chi đầu tư phát triển khác	45,400	58,356	128,54	78,28
II	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>560,052</b>	<b>412,283</b>	<b>73,62</b>	<b>96,58</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề (bao gồm 10% tiết kiệm)	307,026	209,600	68,27	93,48
2	Chi khoa học và công nghệ	1,162	0	0,00	
3	Chi y tế, dân số và gia đình				
4	Chi văn hóa thông tin	3,579	2,938	82,10	500,59
5	Chi truyền thanh	189	103	54,50	83,74
6	Chi thể dục thể thao	810	798	98,46	114,59
7	Chi bảo vệ môi trường				
8	Chi các hoạt động kinh tế	44,417	19,988	45,00	89,89
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	134,664	106,258	78,91	101,74
10	Chi bảo trợ xã hội	33,256	28,528	85,78	122,94
III	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>11,787</b>	<b>9,201</b>	<b>78,06</b>	<b>2335,21</b>

DVT: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý 3 năm 2021	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm 2021	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
B	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>	0	0		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Trang thông tin điện tử huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Các cơ quan đoàn thể huyện;
- LĐVP, NCKT;
- Lưu VT./.

Càng Long, ngày 12 tháng 10 năm 2021



Nguyễn Văn Nhủ



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BÁO CÁO**

**THUYẾT MINH HÌNH THỨC HIỆN THU CHI QUÝ III NĂM 2021**  
(Kèm theo Thông báo số 481/TB-UBND ngày 12/10/2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: 1.000 đồng.

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm					Thực hiện quý 3 năm 2021					Tỷ lệ % ƯT/HĐ T
		Tổng cộng	Huyện	Xã	Tổng số	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=6/3		
A	Tổng thu NSNN trên địa bàn	617.239.000	602.930.550	14.308.450	748.206.643	6.263.620	35.627.690	580.839.529	125.475.702	121,22		
I	Thu NSNN theo dự toán	60.000.000	45.691.550	14.308.450	44.680.234	0	0	31.630.655	13.049.578	74,47		
1.1	Thuế công thương nghiệp	17.240.000	7.872.050	9.367.950	16.323.771	0	0	8.156.281	8.167.490	94,69		
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.369.500	1.113.500	1.256.000	1.245.120			368.080	877.040	52,55		
1.3	Thuế tài nguyên	10.000	10.000		6.396			6.396	0	63,96		
1.4	Thuế giá trị gia tăng	14.815.500	6.703.550	8.111.950	15.026.304			7.781.805	7.244.499	101,42		
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	45.000	45.000		45.951			7.781.805	45.951	102,11		
3	Lệ phí trước bạ	15.500.000	14.159.500	1.340.500	9.680.462			8.353.381	1.327.081	62,45		
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	510.000	0	510.000	442.210			0	442.210	86,71		
5	Thuế thu nhập cá nhân	14.500.000	14.500.000		7.574.414			7.574.414		52,24		
6	Thu phí, lệ phí	3.200.000	985.000	2.215.000	2.099.308			562.443	1.536.865	65,60		
7	Thu khác ngân sách	3.000.000	2.125.000	875.000	3.869.310			2.293.378	1.575.932	128,98		
8	Thuế mặt đất, mặt nước	50.000	50.000		62.150			62.150	0	124,30		
II	Thu tiền sử dụng đất	6.000.000	6.000.000		4.628.609			4.628.609	0	77,14		
1	Thu bổ sung từ NS cấp trên	557.239.000	557.239.000		554.150.891	0	0	464.024.556	90.126.334	99,45		
	Thu bổ sung cân đối	526.428.000	526.428.000	0	458.141.881	0	0	394.821.000	63.320.881	87,03		





TT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Thực hiện quý 3 năm 2021					Tỷ lệ % UTH/D T
		Tổng cộng	Huyện	Xã	Tổng số	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
1.1	Ngân sách huyện	526.428.000	526.428.000		394.821.000			394.821.000		75,00
1.2	Ngân sách xã	0			63.320.881				63.320.881	
2	Thu bổ sung mục tiêu	30.811.000	30.811.000	0	96.009.010	0	0	69.203.556	26.805.454	311,61
2.1	Ngân sách huyện	30.811.000	30.811.000		69.203.556			69.203.556		224,61
2.2	Ngân sách xã	0,0			26.805.454				26.805.454	
III	Các khoản thu không giao dự toán	0,0	0,0	0,0	149.375.518	6.263.620	35.627.690	85.184.318	22.299.890	
1	Thu chuyển nguồn	0,0			98.358.698			76.058.808	22.299.890	
2	Các khoản hoàn trả phát sinh ngoài niên độ				9.125.510			9.125.510		
3	Thu kết dư ngân sách	0,0			0					
4	Các nguồn thu NS TW và tỉnh quản lý (công thương nghiệp ngoài quốc doanh và trái phiếu chính phủ)	0,0			41.891.310	6.263.620	35.627.690	0	0	
B	Tổng chi NS huyện, xã	617.239.000	513.739.000	103.500.000	608.695.075	0	0	525.583.605	83.111.668	98,62
B.1	Chi theo dự toán	617.239.000	513.739.000	103.500.000	480.722.077	0	0	396.728.093	83.111.668	77,88
I	Chi đầu tư phát triển	43.900.000	43.900.000	0	57.938.570	0	0	57.056.256	0	131,98
I	Chi đầu tư từ NSDP	24.000.000	24.000.000	0	20.699.494	0	0	20.699.696	0	86,25
1.1	Chi đầu tư theo Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh	14.000.000	14.000.000		10.699.494			10.699.494		76,42
1.3	Hỗ trợ đầu tư các cụm quản lý hành chính cấp xã	10.000.000	10.000.000		10.000.000			10.000.000		100,00



TT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Thực hiện quý 3 năm 2021					Tỷ lệ % LTH/D T
		Tổng cộng	Huyện	Xã	Tổng số	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	5.400.000	5.400.000	0	2.421.365	0	2.421.365	0	44,84	
+	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất (60%)	3.600.000	3.600.000		1.538.850		1.538.850		42,75	
+	Chi trích lập quỹ phát triển đất (30%)	1.800.000	1.800.000		882.515		882.515		49,03	
3	Chi đầu tư từ nguồn vốn XSKT XD NTM	14.500.000	14.500.000		10.466.963		10.466.963		72,19	
4	Chi đầu tư từ nguồn vốn bổ sung	0	0		14.233.792		14.233.792			
5	Vốn tạm ứng năm trước chuyển sang	0	0		4.503.799		4.503.799			
6	Vốn chuyển nguồn năm 2020 sang năm 2021	0	0		5.613.157		5.613.157			
II	Chi thường xuyên	563.662.000	460.162.000	103.500.000	413.582.763	0	330.471.095	83.111.668	73,37	
1	Chi sự nghiệp kinh tế	48.465.365	48.465.365		19.987.843		19.987.843		41,24	
2	Chi sự nghiệp văn xã	43.956.618	43.956.618		69.557.274		69.557.274		158,24	
3	Chi quản lý hành chính (Nhà nước, đảng, đoàn thể)	31.050.939	31.050.939		24.446.792		24.446.792		78,73	
4	Chi an ninh quốc phòng	6.065.200	6.065.200		4.687.822		4.687.822		77,29	
5	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề	322.620.000	322.620.000		209.599.938		209.599.938		64,97	
6	Chi khác ngân sách	5.868.878	5.868.878		1.357.921		1.357.921		23,14	
7	Kinh phí hỗ trợ HTX	2.135.000	2.135.000		833.505		833.505		39,04	
8	Chi ngân sách xã - thị trấn (có đầu tư)	103.500.000		103.500.000	83.111.668		0	83.111.668	80,30	

TT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Thực hiện quý 3 năm 2021					Tỷ lệ % LTH/D T
		Tổng cộng	Huyện	Xã	Tổng số	NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã	
III	Chi dự phòng	9.577.000	9.577.000		9.200.744		9.200.744		95,06	
B.2	Chi ngoài dự toán	0	0	0	127.972.998	0	0	128.855.512	0	
1	Chi trợ cấp căn cứ NS cấp xã	0			63.320.881		63.320.881			
2	Chi hỗ trợ trợ cấp NS cấp xã	0			26.805.454		26.805.454			
3	Chi bổ sung mục tiêu NS cấp xã	0			118.785		118.785			
4	Chi bổ sung các khoản phải nộp ngân sách				1.031.764		1.031.764			
5	Chi nộp thuế ngân sách cấp trên				34.509.276		34.509.276			
6	Chi nộp 30% thu tiền sử dụng đất	0			2.079.387		2.079.387			
7	Chi tạm ứng	0			107.451		107.451			

o